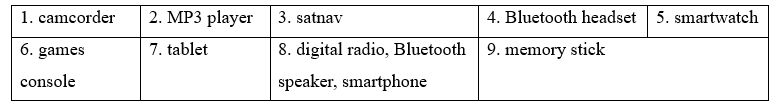
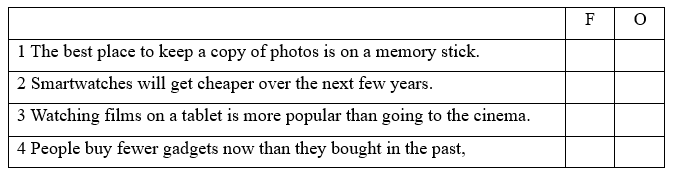
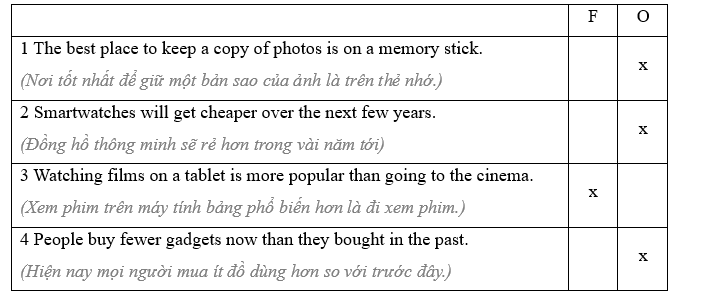
# Unit 5C. Listening (trang 42)

**SBT Tiếng Anh 11 trang 8 Unit 5C. Listening - Friends Global**  
**Navigation nightmare**  
*(Cơn ác mộng điều hướng)*  
*I can distinguish fact from opinion.*  
**Revision: Student Book page 63**  
**1. Complete the gadgets in the sentences.**  
*(Hoàn thành các tiện ích trong câu.)*  
1 He used a c\_ \_ \_ \_ \_ \_ \_r to record the school play.  
2 I need a new M\_ \_ \_ \_ \_ \_ \_r so I can listen to music when I go running.  
3 Without the s\_ \_ \_ \_v, we would never have found the hotel.  
4 She wears a B\_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ h\_ \_ \_ \_ \_t so she can speak to the office while she's in her car.  
5 His s\_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_h doesn't just tell him what the time is but also how far he's walked every day.  
6 If I had a g\_ \_ \_ \_c\_ \_ \_ \_ \_ \_ in my bedroom, I probably wouldn't do much homework.  
7 Now that I've bought this t\_ \_ \_ \_ t. I hardly ever use my laptop.  
8 My new d\_ \_ \_ \_ \_ \_ r\_ \_ \_ \_ is also a B\_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ s\_ \_ \_ \_ \_r, soo I can can use it to stream music from my s\_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_.  
9 I've saved all of my schoolwork onto a m \_ \_ \_ \_ \_ s\_ \_ \_k.  
**Lời giải chi tiết:**  
  
1 He used a **camcorder** to record the school play.  
*(Anh ấy dùng máy quay phim để ghi lại vở kịch ở trường.)*  
2 I need a new **MP3 player** so I can listen to music when I go running.  
*(Tôi cần một máy nghe nhạc MP3 mới để có thể nghe nhạc khi chạy.)*  
3 Without the **satnav**, we would never have found the hotel.  
*(Nếu không có bộ định vị, chúng tôi sẽ không bao giờ tìm thấy khách sạn.)*  
4 She wears a **Bluetooth headset** so she can speak to the office while she's in her car.  
*(Cô ấy đeo tai nghe Bluetooth để có thể nói chuyện với văn phòng khi đang ở trong ô tô.)*  
5 His **smartwatch** doesn't just tell him what the time is but also how far he's walked every day.  
*(Đồng hồ thông minh của anh ấy không chỉ cho anh ấy biết thời gian mà còn cho biết anh ấy đã đi bộ bao xa mỗi ngày.)*  
6 If I had a **games console** in my bedroom, I probably wouldn't do much homework.  
*(Nếu tôi có máy chơi game trong phòng ngủ, có lẽ tôi sẽ không làm nhiều bài tập về nhà.)*  
7 Now that I've bought this **tablet**. I hardly ever use my laptop.  
*(Bởi vì tôi đã mua chiếc máy tính bảng này. Tôi hầu như không bao giờ sử dụng máy tính xách tay của mình.)*  
8 My new **digital radio** is also a **Bluetooth speaker**, soo I can can use it to stream music from my s\_ \_ **smartphone**.  
*(Chiếc radio kỹ thuật số mới của tôi cũng là một loa Bluetooth, vì vậy tôi có thể sử dụng nó để phát nhạc từ điện thoại thông minh của mình.)*  
9 I've saved all of my schoolwork onto a **memory stick**.  
*(Tôi đã lưu tất cả bài tập ở trường vào thẻ nhớ.)*  
**Listening Strategy**  
You may have to distinguish fact from opinion in a listening task. Listen for clues to help you decide. An opinion might begin with a verb connected with thinking (eg. *think*, *believe*, *expect*, *reckon*, etc.) or a phrase for introducing opinions (*in my view*, *as I see it*, etc.).  
*(Chiến lược nghe*  
*Bạn có thể phải phân biệt sự thật với ý kiến trong bài nghe. Hãy lắng nghe những manh mối để giúp bạn quyết định. Một ý kiến có thể bắt đầu bằng một động từ liên quan đến suy nghĩ (ví dụ: nghĩ, tin, mong đợi, tính toán, v.v.) hoặc một cụm từ để giới thiệu ý kiến (theo quan điểm của tôi, như tôi thấy, v.v.).)*  
**2. Read the Listening Strategy. Then listen to four short dialogues. Are the sentences below facts (F) or opinions (O)?**  
*(Đọc Chiến lược nghe. Sau đó nghe bốn đoạn hội thoại ngắn. Những câu dưới đây là sự kiện (F) hay ý kiến (O)?)*  
  
**Phương pháp giải:**  
**Bài nghe**  
1  
**Boy:** Have you read about this new computer virus that affects tablets and smartphones? I’m really worried about losing all my photos.  
**Girl:** You should keep a copy of them, just in case  
**Boy:** Where? On a CD?  
**Girl:** n my opinion, a memory stick is the best place to keep copies.  
**Boy:** Really? I could easily lose a memory stick – they’re tiny.  
**Girl:** Well, buy two then. They don’t cost very much.  
**2**  
**Boy:** I really want to buy one of these new smartwatches.  
**Girl:** They’re so expensive though. It’s not the right time to buy one.  
**Boy:** What do you mean?  
**Girl:** As I see it, the price is likely to come down over the next few years. That always happens with new technology.  
**Boy:**  I suppose so.  
**3**  
**Boy:** Did you see this report? Apparently, most people these days prefer to watch a film on their tablet than go to the cinema.  
**Girl:** That’s ridiculous! In my view, it’s much better to see it at the cinema. You get the big screen – and the sound is great.  
**Boy:** I agree. I’d never watch a film on a tablet.  
**4**  
**Girl:** Look at this photo – it’s a rubbish dump in Africa. It’s where a lot of our old gadgets end up.  
**Boy:** That’s terrible. It looks so polluted.  
**Girl:** The problem is, people are buying more and more gadgets.  
**Boy:** But is that true? It seems to me that people don’t have as many gadgets these days. I mean, they’ve got a smartphone – and that does everything.  
**Girl:** Maybe. But they replace their smartphone quite often.  
**Tạm dịch**  
*1*  
*Chàng trai: Bạn đã đọc về loại virus máy tính mới ảnh hưởng đến máy tính bảng và điện thoại thông minh chưa? Tôi thực sự lo lắng về việc mất tất cả ảnh của mình.*  
*Cô gái: Anh nên giữ một bản sao của chúng để đề phòng.*  
*Chàng trai: Ở đâu? Trên đĩa CD?*  
*Cô gái: Theo tôi, thẻ nhớ là nơi tốt nhất để lưu giữ các bản sao.*  
*Chàng trai: Thật sao? Tôi có thể dễ dàng đánh mất thẻ nhớ – chúng rất nhỏ.*  
*Cô gái: Vậy thì mua hai cái đi. Chúng không tốn nhiều tiền lắm.*  
*2*  
*Chàng trai: Tôi thực sự muốn mua một trong những chiếc đồng hồ thông minh mới này.*  
*Cô gái: Nhưng chúng đắt quá. Đây không phải là thời điểm thích hợp để mua một cái.*  
*Chàng trai: Ý cậu là gì?*  
*Cô gái: Theo tôi thấy, giá có thể sẽ giảm trong vài năm tới. Điều đó luôn xảy ra với công nghệ mới.*  
*Chàng trai: Tôi cho là vậy.*  
*3*  
*Chàng trai: Bạn đã xem báo cáo này chưa? Rõ ràng, hầu hết mọi người ngày nay thích xem phim trên máy tính bảng hơn là đi xem phim.*  
*Cô gái: Thật nực cười! Theo quan điểm của tôi, sẽ tốt hơn nhiều nếu xem nó ở rạp chiếu phim. Bạn có màn hình lớn – và âm thanh tuyệt vời.*  
*Chàng trai: Tôi đồng ý. Tôi chưa bao giờ xem phim trên máy tính bảng.*  
*4*  
*Cô gái: Hãy nhìn bức ảnh này – đó là một bãi rác ở Châu Phi. Đó là nơi chứa rất nhiều thiết bị cũ của chúng ta.*  
*Chàng trai: Thật kinh khủng. Trông ô nhiễm quá.*  
*Cô gái: Vấn đề là mọi người ngày càng mua nhiều đồ dùng hơn.*  
*Chàng trai: Nhưng điều đó có đúng không? Đối với tôi, ngày nay mọi người không có nhiều tiện ích như vậy. Ý tôi là, họ có điện thoại thông minh – và nó làm được mọi thứ.*  
*Cô gái: Có thể. Nhưng họ thay thế điện thoại thông minh của mình khá thường xuyên.*  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**3. Complete the phrases for expressing opinions with the words below. Then listen again and check.**  
*(Hoàn thành các cụm từ để bày tỏ ý kiến với các từ dưới đây. Sau đó nghe lại và kiểm tra.)*  
  
1 In my \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ , …  
2 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ I see it,..  
3\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ my view,...  
4 The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is...  
5 It seems \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ me that …  
**Phương pháp giải:**  
Bài nghe hoạt động 2  
**Lời giải chi tiết:**  
  
1 In my **opinion**  …  
*(Theo tôi…)*  
2 **as** I see it,..  
*(như tôi thấy, ..)*  
3 **in** my view,...  
*(theo quan điểm của tôi,...)*  
4 The **problem** is...  
*(Vấn đề là...)*  
5 It seems **to** me that …  
*(Đối với tôi, có vẻ như…)*  
**4. Express your own opinions about these topics using the phrases from exercise 3.**  
*(Thể hiện ý kiến của riêng bạn về những chủ đề này bằng cách sử dụng các cụm từ trong bài tập 3.)*  
1 students using their phones in school  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
2 having hundreds of 'friends' on social media  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Lời giải chi tiết:**  
**1 students using their phones in school**  
*(học sinh sử dụng điện thoại trong trường)*  
In my view, students using their phones in school can be beneficial for learning, but the challenge is to find a balance to avoid distraction and poor classroom focus.  
*(Theo quan điểm của tôi, học sinh sử dụng điện thoại ở trường có thể có lợi cho việc học, nhưng thách thức là tìm ra sự cân bằng để tránh mất tập trung và kém tập trung trong lớp.)*  
**2 having hundreds of 'friends' on social media**  
*(có hàng trăm 'bạn bè' trên mạng xã hội)*  
As I see it, having hundreds of 'friends' on social media can create a false sense of connection. In reality, the quality of relationships often matters more than the quantity.  
*(Theo tôi thấy, việc có hàng trăm 'bạn bè' trên mạng xã hội có thể tạo ra cảm giác kết nối sai lầm. Trên thực tế, chất lượng của các mối quan hệ thường quan trọng hơn số lượng.)*  
**5. Listen to four dialogues. Circle the correct answers.**  
*(Nghe bốn đoạn hội thoại. Hãy khoanh tròn những câu trả lời đúng.)*  
**1** In dialogue 1, which sentence is a fact, not an opinion?  
a They are driving along a road called West Way.  
b. There can't be two hotels with the same name in the same part of town.  
c The Adelphi Hotel has two buildings.  
**2** In dialogue 2, why do they decide to use the paper map, not the phone?  
a There is no map app on their phone.  
b Mobile phone reception is not reliable.  
c The map on the phone is not big enough.  
**3** In dialogue 3, which sentence is an opinion, not a fact?  
a They can't drive along the High Street.  
b There's a market next to the park on Saturdays.  
c The fastest route to the station is along Park Avenue.  
**4** In dialogue 4, why will the man's mistake not make him late?  
a The train he is on is faster than the train he wanted.  
b. He can still catch the train he wanted.  
c Both trains go to the same destination.  
**Phương pháp giải:**  
**Bài nghe**  
**1**  
**Man:** I think we’re here – look, the Adelphi Hotel.  
**Woman***:* Really? But this is West Way. We need Windsor Avenue. Our hotel is in Windsor Avenue.  
**Man:** But our hotel is definitely called the Adelphi, isn’t it?  
**Woman***:* Yes. Maybe there are two Adelphi hotels.  
**Man:** I don’t think there could be two Adelphi hotels in the same part of London.  
**Woman***:* It seems to me that the hotel probably has two buildings – one here and one in Windsor Avenue.  
**Man:** Yes, that seems more likely. We’re quite close to Windsor Avenue.  
**Woman***:* Let’s try and park. Or do you want me to go in and ask?  
**Man:** Yes, that’s a good idea. I’ll stop here and you can ask at reception.  
**2**   
**Man:** What are you doing?  
**Woman***:* I’m looking at the map. I’m working out exactly where we are.  
**Man:** But I know exactly where we are. Look – my phone can tell us. We’re here, half way between these two villages.  
**Woman***:* Yes, I know that. But where does this little road go? Does it cross the river?  
**Man:** I’m not sure. I’ll just zoom in … Hmm. That’s strange.  
**Woman***:* What?  
**Man:** signal. But then I can’t see what’s on the screen, it’s too small.  
**Woman***:* So, let’s look at my map. Yes, I see. The road crosses the river and then goes along the side of this field. Come on, follow me!  
**Man:** It must be that hill. It’s blocking the signal. OK, we’ll use your map.  
**3**  
**Woman***:* Hello! Excuse me!  
**Pedestrian***:* Yes? Can I help you?  
**Woman***:* We’re trying to find the Willow Sports Centre.  
**Pedestrian***:* Er … the tennis club?  
**Woman***:* No, it’s a sports centre. There’s a gym there and a swimming pool. It’s called the Willow Sports Centre.  
**Pedestrian***:* You go straight on at these traffic lights, then you turn left. Keep going up the hill. Then turn right at the cross roads. It’s just there on the left.  
**Man:** So straight on at the lights, turn left, up the hill, then right at the crossroads.  
**Pedestrian***:* Yes.  
**Man:** Thanks.  
**Woman***:* Thank you! Why are you going left? He said straight on at the lights.  
**Man:**  Yes, but he didn’t know, did he? I mean, he didn’t sound very sure. I think it’s up this road.  
**Woman***:* Well, you might be right. Let’s see.  
**Man:** He’s waving at us. Look!  
**Woman***:* Oh dear, how embarrassing! He’s just trying to be helpful.  
**Man:** Don’t worry. He probably thinks we’ve forgotten what he said.  
**4**  
**Man:** Phew! I just made it in time! Do you mind if I sit here?  
**Woman***:* No, please, go ahead.  
**Man:** Thanks. Ah … it’s good to sit down. I really thought I was going to miss this train!  
**Woman***:* Yes, you got on just before it left.  
**Man:** I had to run to the platform. But at least I can sit down now all the way to Oxford.  
**Woman***:* Oxford? This train doesn’t go to Oxford.  
**Man:** Oh no! Where does it go?  
**Woman***:* It goes to Bristol.  
**Man:** You’re joking!  
**Woman***:* You needed the next train – the one at 10:04. This is the 9:55 to Bristol.  
**Man:** But it was after 10 o’clock when I got on …  
**Woman***:* I know. We left a bit late. But it’s definitely the train to Bristol.  
**Man:** What am I going to do? I’m going to an interview in Oxford. I can’t be late!  
**Woman***:* Don’t worry. This train stops at Reading. Just get off there and wait a few minutes. You can get on your train to Oxford. You won’t even need to change platform. And you’ll get to Oxford on time.  
**Man:** Great! Thank you so much.  
**Woman***:* No problem.  
**Tạm dịch**  
*1*  
*Người đàn ông: Tôi nghĩ chúng ta đang ở đây – nhìn này, khách sạn Adelphi.*  
*Người phụ nữ: Thật sao? Nhưng đây là con đường phía Tây. Chúng ta cần Đại lộ Windsor. Khách sạn của chúng tôi ở Đại lộ Windsor.*  
*Người đàn ông: Nhưng khách sạn của chúng ta chắc chắn được gọi là Adelphi phải không?*  
*Người phụ nữ: Vâng. Có lẽ có hai khách sạn Adelphi.*  
*Người đàn ông: Tôi không nghĩ có thể có hai khách sạn Adelphi ở cùng một khu vực ở London.*  
*Người phụ nữ: Với tôi, có vẻ như khách sạn này có hai tòa nhà – một ở đây và một ở Đại lộ Windsor.*  
*Người đàn ông: Vâng, điều đó có vẻ khả thi hơn. Chúng tôi ở khá gần Đại lộ Windsor.*  
*Người phụ nữ: Chúng ta hãy thử đỗ xe nhé. Hay bạn muốn tôi vào trong và hỏi?*  
*Người đàn ông: Vâng, đó là một ý tưởng hay. Tôi sẽ dừng ở đây và bạn có thể hỏi ở quầy lễ tân.*  
*2*  
*Người đàn ông: Bạn đang làm gì vậy?*  
*Người phụ nữ: Tôi đang xem bản đồ. Tôi đang tìm hiểu chính xác vị trí của chúng ta.*  
*Người đàn ông: Nhưng tôi biết chính xác chúng ta đang ở đâu. Hãy nhìn xem - điện thoại của tôi có thể cho chúng tôi biết. Chúng ta đang ở đây, nằm giữa hai ngôi làng này.*  
*Người phụ nữ: Vâng, tôi biết điều đó. Nhưng con đường nhỏ này sẽ dẫn tới đâu? Nó có qua sông không?*  
*Người đàn ông: Tôi không chắc. Tôi sẽ phóng to… Hmm. Điều đó thật kỳ lạ.*  
*Người phụ nữ: Cái gì?*  
*Người đàn ông: Tín hiệu. Nhưng sau đó tôi không thể nhìn thấy những gì trên màn hình, nó quá nhỏ.*  
*Người phụ nữ: Vậy hãy nhìn vào bản đồ của tôi. Có, tôi thấy. Con đường bắc qua sông rồi đi dọc theo bờ ruộng này. Hãy theo tôi!*  
*Người đàn ông: Chắc là ngọn đồi đó. Nó đang chặn tín hiệu. Được rồi, chúng tôi sẽ sử dụng bản đồ của bạn.*  
*3*  
*Người phụ nữ: Xin chào! Xin lỗi!*  
*Người đi bộ: Vâng? Tôi có thể giúp bạn?*  
*Người phụ nữ: Chúng tôi đang cố gắng tìm Trung tâm Thể thao Willow.*  
*Người đi bộ: Ơ… câu lạc bộ quần vợt à?*  
*Người phụ nữ: Không, đó là một trung tâm thể thao. Có một phòng tập thể dục ở đó và một hồ bơi. Nó được gọi là Trung tâm thể thao Willow.*  
*Người đi bộ: Bạn đi thẳng đến chỗ đèn giao thông này rồi rẽ trái. Tiếp tục đi lên đồi. Sau đó rẽ phải ở ngã tư. Nó chỉ ở đó bên trái.*  
*Người đàn ông: Vậy đi thẳng chỗ đèn giao thông, rẽ trái, lên đồi, rồi rẽ phải ở ngã tư.*  
*Người đi bộ: Ừ.*  
*Người đàn ông: Cảm ơn.*  
*Người phụ nữ: Cảm ơn bạn! Tại sao bạn lại đi bên trái? Anh ấy nói thẳng vào chỗ đèn.*  
*Người đàn ông: Đúng, nhưng anh ấy không biết phải không? Ý tôi là, anh ấy nghe có vẻ không chắc chắn lắm. Tôi nghĩ nó ở trên con đường này.*  
*Người phụ nữ: Ồ, có thể bạn đúng. Hãy xem nào.*  
*Người đàn ông: Anh ấy đang vẫy tay với chúng tôi. Nhìn kìa!*  
*Người phụ nữ: Ôi trời, thật xấu hổ! Anh ấy chỉ đang cố gắng tỏ ra hữu ích thôi.*  
*Người đàn ông: Đừng lo lắng. Có lẽ anh ấy nghĩ chúng ta đã quên những gì anh ấy nói.*  
*4*  
*Người đàn ông: Phù! Tôi vừa kịp lúc đấy! Bạn có phiền không nếu tôi ngồi đây?*  
*Người phụ nữ: Không, làm ơn, cứ ngồi đi.*  
*Người đàn ông: Cảm ơn. À… ngồi xuống là tốt rồi. Tôi thực sự nghĩ rằng tôi sẽ bỏ lỡ chuyến tàu này!*  
*Người phụ nữ: Vâng, bạn lên xe ngay trước khi nó rời đi.*  
*Người đàn ông: Tôi phải chạy lên sân ga. Nhưng ít nhất bây giờ tôi có thể ngồi xuống suốt chặng đường tới Oxford.*  
*Người phụ nữ: Oxford? Chuyến tàu này không đến Oxford.*  
*Người đàn ông: Ồ không! Nó đi đâu?*  
*Người phụ nữ: Nó đi tới Bristol.*  
*Người đàn ông: Bạn đang nói đùa!*  
*Người phụ nữ: Anh cần đi chuyến tàu tiếp theo – chuyến lúc 10:04. Đây là chuyến 9h55 tới Bristol.*  
*Người đàn ông: Nhưng phải hơn 10 giờ tôi mới lên xe…*  
*Người phụ nữ: Tôi biết. Chúng tôi rời đi hơi muộn. Nhưng đó chắc chắn là chuyến tàu tới Bristol.*  
*Người đàn ông: Tôi sẽ làm gì đây? Tôi sắp đi phỏng vấn ở Oxford. Tôi không thể đến muộn được!*  
*Người phụ nữ: Đừng lo lắng. Chuyến tàu này dừng ở Reading. Chỉ cần xuống đó và đợi vài phút. Bạn có thể lên tàu đến Oxford. Bạn thậm chí sẽ không cần phải thay đổi trạm. Và bạn sẽ đến Oxford đúng giờ.*  
*Người đàn ông: Tuyệt vời! Cảm ơn bạn rất nhiều.*  
*Người phụ nữ: Không vấn đề gì.*  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**1** In dialogue 1, which sentence is a fact, not an opinion?  
*(Trong đoạn hội thoại 1, câu nào là sự thật, không phải là ý kiến?)*  
a They are driving along a road called West Way.  
*(Họ đang lái xe dọc theo con đường có tên là West Way.)*  
b. There can't be two hotels with the same name in the same part of town.  
*(Không thể có hai khách sạn có cùng tên ở cùng một khu vực trong thị trấn.)*  
c The Adelphi Hotel has two buildings.  
*(Khách sạn Adelphi có hai tòa nhà.)*  
**=> Chọn a**  
**2** In dialogue 2, why do they decide to use the paper map, not the phone?  
*(Trong đoạn hội thoại 2, tại sao họ quyết định sử dụng bản đồ giấy mà không sử dụng điện thoại?)*  
a There is no map app on their phone.  
*(Không có ứng dụng bản đồ trên điện thoại của họ.)*  
b Mobile phone reception is not reliable.  
*(Việc thu sóng điện thoại di động không đáng tin cậy.)*  
c The map on the phone is not big enough.  
*(Bản đồ trên điện thoại không đủ lớn.)*  
**=> Chọn c**  
**3** In dialogue 3, which sentence is an opinion, not a fact?  
*(Trong đoạn hội thoại 3, câu nào là ý kiến, không phải sự thật?)*  
a They can't drive along the High Street.  
*(Họ không thể lái xe dọc theo đường High Street.)*  
b There's a market next to the park on Saturdays.  
*(Có một khu chợ cạnh công viên vào thứ Bảy.)*  
c The fastest route to the station is along Park Avenue.  
*(Con đường nhanh nhất tới nhà ga là dọc theo Đại lộ Park.)*  
**=> Chọn c**  
**4** In dialogue 4, why will the man's mistake not make him late?  
*(Trong đoạn hội thoại 4, tại sao sai lầm của người đàn ông lại không khiến anh ta bị trễ giờ?)*  
a The train he is on is faster than the train he wanted.  
*(Chuyến tàu anh ấy đang đi nhanh hơn chuyến tàu anh ấy mong muốn.)*  
b. He can still catch the train he wanted.  
*(Anh ấy vẫn có thể bắt được chuyến tàu anh ấy muốn.)*  
c Both trains go to the same destination.  
*(Cả hai chuyến tàu đều đi đến cùng một địa điểm.)*  
**=> Chọn b**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 5A. Vocabulary (trang 40)**  
**Unit 5B. Grammar (trang 41)**  
**Unit 5D. Grammar (trang 43)**  
**Unit 5E. Word Skills (trang 44)**  
**Unit 5F. Reading (trang 45)**  
**Unit 5G. Speaking (trang 46)**  
**Unit 5H. Writing (trang 47)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 4: Home  
Unit 6: High flyers  
Unit 7: Artists  
Unit 8: Cities  
Cumulative Review